

Hán dịch: Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm.

Việt dịch: Việt Nam, Tỳ-kheo Thích Trí Tịnh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN TẬP HAI

PHẨM CA DIẾP
BỒ-TÁT - 24.06

Đọc từ đầu trang 574 - 607



NGHI THỨC KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN

Án Lam (7 lần)

TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN

Tu rị tu rị, ma-ha tu rị, tu tu rị ta bà-ha. (3 lần)

TỊNH BA NGHIỆP CHƠN NGÔN

**Án ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ
thuật độ hám.** (3 lần)

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN

Án nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)

TÁN PHẬT

Pháp Vương Vô Thượng Tôn

Tam giới vô luân thất

Thiên nhơn chi Đạo sư

Tứ sanh chi Từ phụ

Ư nhứt niệm quy y

Năng diệt tam kỳ nghiệp

Xưng dương nhược tán thán

Ức kiếp mạc năng tận.

QUÁN TƯỚNG

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thử đạo tràng như Đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

ĐÁNH LỄ TAM BẢO

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: **Nam-mô Tận Hư-không Biến Pháp Giới, Quá, Hiện, Vị Lai Thập Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng Thường Trụ Tam Bảo.** (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: **Nam-mô Ta Bà Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát.** (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: **Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát.** (1 lạy)

TÁN LƯ HƯƠNG

**Lư hương vừa ngún chiên đàn
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa
Lòng con kính ngưỡng thiết tha
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh.
Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lần)**

Nam-mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ-tát. (3 lần)

CHÚ ĐẠI BI

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà ra ni. Nam-mô hắc ra đát na đà ra dạ da. Nam-mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, Bồ-đề tát đỏa bà da, ma-ha tát đỏa bà da, ma-ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đát na tát đỏa. Nam-mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị da, bà lô yết đế thất Phật ra lăng đà bà.

Nam-mô na ra cẩn trì hê rị, ma-ha bàn đà sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đà, na ma bà già, ma phạt đạt đậu, đát diệt tha:

Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma-ha Bồ-đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông, độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma-ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra mạ mạ phạt ma ra, mục

để lệ, y hê y hê, thất na thất na a ra sâm Phật ra xá lợi, phật sa
 phật sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra
 ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, Bồ-đề dạ Bồ-đề dạ, bồ đà dạ bồ đà
 dạ, di để rị dạ, na ra cần trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na ta bà ha.
 Tất đà dạ ta bà ha. Ma-ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất
 bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha.
 Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma-ha, a tất đà dạ, ta bà
 ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà
 ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ,
 ta bà ha.

Nam-mô hắc ra đát na, đa ra dạ da. Nam-mô a rị da, bà lô yết
 đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

"Án tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà dạ ta bà-ha." (3 lần)

Nam-mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo. (3 lần)

VĂN PHÁT NGUYỆN

Lạy đấng Tam Giới Tôn

Quy mạng mười phương Phật

Nay con phát nguyện lớn

Trì tụng Kinh Niết-bàn

Trên đèn bốn ơn nặng

Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu có ai thấy nghe

Đều phát Bồ-đề tâm,

Khi mãn báo thân này

Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam-mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

KHAI KINH KỆ

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu

Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu

Nay con nghe thấy chuyên trì tụng

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Nam-mô Đại Bát Niết-bàn Hội Thượng Phật,

Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lần)

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN PHẨM CA DIẾP BỒ-TÁT THỨ HAI MƯƠI BỐN

(Trang 574 - 607)

Này Thiện nam tử ! Có hai hạng Bồ-tát : Một là sơ phát tâm, hai là đã hành đạo.

Vô thường tướng cũng có hai thứ : Thân và tế.

Bồ-tát sơ phát tâm lúc quán vô thường tướng, suy nghĩ rằng : Vạn vật trong đời phàm có hai loại : Nội và ngoại.

Những loại thuộc về nội vật đều vô thường biến đổi. Tôi thấy lúc sanh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc mạnh, lúc già, lúc chết đều khác nhau, do đây nên biết những loại thuộc về nội vật đều vô thường.

Lại suy nghĩ rằng: tôi thấy chúng sanh hoặc có kẻ mập mạnh tươi tốt, hoặc có kẻ bệnh hoạn héo gầy, hoặc có người giàu có dư giả, hoặc thấy người nghèo cùng thiếu thốn, hoặc thấy người có vô lượng công đức, hoặc thấy người tạo vô lượng tội lỗi, do đây nên quyết định biết rằng những loại thuộc về nội vật là vô thường.

Lại suy nghĩ rằng, những vật ngoài thời kỳ hột, thời kỳ mọc mộng, lên cây ra lá trở bông, kết trái đều chẳng đồng, lại có thứ đầy đủ, có thứ chẳng đầy đủ, do đây nên biết rằng tất cả vật ngoài quyết định là vô thường.

Đã quán sát những vật bị thấy là vô thường, kế lại là quán sát những pháp bị nghe :

Tôi từng nghe chư thiên có thần thông tự tại hưởng sự vui rất vi diệu nhưng cũng có năm tướng suy.

Do đây nên biết rằng là vô thường.

Tôi lại từng nghe thuở kiếp sơ có các chúng sanh đầy đủ công đức, thân thể sáng chói chẳng cầu mặt trời mặt trăng, vì vô thường biến đổi mà công đức hao tổn, ánh sáng tắt mất.

Tôi lại nghe thuở xưa có Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, có đủ thất bảo thế lực tự tại dầu vậy nhưng cũng không thể tránh khỏi vô thường.

Lại quán quả địa cầu, ngày xưa người ở đông đảo, có đủ cây thuốc hay, rừng cây bông trái sum sê. Ngày nay vì chúng sanh phước bạc, nên những sanh vật trên mặt đất thành hư hao. Do đây nên biết rằng tất cả vật trong thân ngoài cảnh đều vô thường. Đây gọi là tướng vô thường thô.

Đã quán tướng tướng thô rồi, kể lại quán sát tướng vô thường tế. Bồ-tát quán sát tất cả vật trong ngoài, nhãn đến vi trần, tại thời kỳ vị lai đã là vô thường, vì tất cả đều có đủ tướng phá hoại vậy.

Nếu sắc uẩn vị lai chẳng phải là vô thường, thời chẳng nên nói sắc uẩn có mười thời kỳ sai biệt : Thời kỳ đông lại, thời kỳ nổi bóng, thời kỳ ung nhọt, thời kỳ khối thịt, thời kỳ mọc đầu và tứ chi, thời kỳ bé thơ, thời kỳ trẻ, thời kỳ thiếu niên thời kỳ tráng niên, thời kỳ già suy.

Nếu không phải là vô thường thời đông vắng không thành bóng, nhọt nhãn đến không có già suy.

Nếu những thời kỳ chẳng phải niệm niệm hoại diệt, thời trọn chẳng có lần lần lớn lên, đáng lẽ phải đồng thời trưởng thành tất cả. Do đây biết rằng quyết định có niệm niệm vi tế vô thường.

Lại thấy có người thân thể toàn vẹn, nhan sắc tươi đẹp. Lúc sau lại thấy người ấy gầy gò tiều tụy. Do đây biết rằng người này quyết định có niệm niệm vô thường.

Lại quán sát tứ đại và bốn oai nghi, trong ngoài đều có hai khổ nhơn : Đói khát và lạnh nóng.

Nếu không có niệm niệm vi tế vô thường, thời cũng lẽ ra không có bốn điều khổ ấy.

Suy xét như trên đây gọi là quán tưởng vô thường tế.

Như trong thân và ngoại cảnh tâm pháp cũng như vậy, vì tâm duyên theo sáu trần hoặc sanh lòng mừng, lòng giận, lòng yêu, v.v... lần lượt thay đổi khác, không trụ một niệm. Do đây nên biết rằng tất cả sắc pháp và tâm pháp đều vô thường cả.

Nếu Bồ-tát có thể ở trong một niệm thấy rõ tất cả pháp đều sanh diệt vô thường, đây gọi là Bồ-tát có đủ vô thường tướng.

Này Thiện nam tử ! Người trí tu tập vô thường tướng rồi thời xa lìa quan niệm điên đảo chấp thường.

Kế lại tu tập khổ tướng. Duyên có gì có sự khổ như vậy ?

Biết rõ rằng sự khổ này do nơi vô thường. Do vô thường mà có sanh, già, bệnh, chết. Vì có sanh già bệnh chết nên gọi là vô thường. Vì vô thường mà chịu lấy những sự khổ : Đói, khát, lạnh, nóng v.v...

Lại quán sát thân thể này chính là khí cụ vô thường, là khổ. Vì là khí cụ khổ nên bao nhiêu sự nhận lấy của thân đều là khổ cả.

Lại quán sát sanh là khổ, diệt là khổ. Sanh diệt chính là vô thường, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, nên tu vô ngã tướng.

Lại quán sát khổ là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu đã là khổ vô thường, người trí đâu nên cho rằng có ngã !

Khổ không phải là ngã, vô thường cũng vậy. Cả năm ấm đều là khổ là vô thường, sao chúng sanh lại cho là có ngã !

Lại quán sát tất cả pháp có nhiều thứ hòa hiệp sai khác. Chẳng phải từ một hòa hiệp sanh tất cả pháp.

Lại một pháp chẳng phải là quả của tất cả hòa hiệp. Tất cả hòa hiệp đều không tự tánh, cũng không một tánh, cũng không tánh sai khác, cũng không vật tánh, cũng không tự tại. Các pháp đã có những tướng như vậy, người trí đâu nên nói là có ngã.

Lại suy nghĩ rằng : Trong tất cả pháp không có một pháp nào là tác giả. Một pháp đã không phải tác giả, thời nhiều pháp hòa hiệp cũng không thể là tác giả.

Tánh của các pháp không thể tự sanh tự diệt, do hòa hiệp mà diệt, do hòa hiệp mà sanh. Khi pháp đã sanh, chúng sanh điên đảo tưởng rằng là hòa hiệp, từ hòa hiệp sanh. Chúng sanh điên đảo tưởng niệm không có chơn thật. Như thế thời đâu có thật ngã !

Do đây nên người trí quán sát vô ngã.

Lại quán sát duyên có gì mà chúng sanh nói là ngã ?

Ngã này nếu là có, thời là một hay nhiều. Nếu ngã chỉ có một, thời sao lại có Sát Đế Lợi, Bà-la-môn v.v...nhấn đến nhơn, thiên, quỷ, súc?

Nếu ngã là nhiều, sao lại nói rằng ngã của chúng sanh là duy nhứt, là khắp, là không biên tế. Cho là một hay là nhiều, cả hai đều không có ngã cả.

Người trí đã quán vô ngã rồi, kể lại quán tướng yếm ly thực.

Nên suy nghĩ rằng : Nếu tất cả pháp là vô thường, khổ, vô ngã, sao lại vì sự ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo ác nghiệp !

Nếu có chúng sanh nào vì tham ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo nghiệp ác, bao nhiêu của cải có ra, mọi người đều cùng hưởng dụng, về sau lúc mắc quả khổ, không một ai cùng chia.

Lại quán sát tất cả chúng sanh vì ăn uống mà thân tâm chịu khổ. Nếu từ các sự khổ mà được ăn uống, sao ta lại đối với sự ăn uống mà sanh lòng tham đắm.

Kế lại nên quán sát thân nhơn. Do nơi uống ăn mà thân thể tăng trưởng. Nay ta xuất gia vì muốn xả thân nên thọ giới tu hành, nếu tham đắm ăn uống thời sao gọi là xả thân !

Quán sát như vậy rồi, dầu có ăn uống, nhưng coi như quở Khoáng Dã ăn thịt con của nó, trong lòng nhàm ghét không biết ngon ngọt.

Quán sát rõ món ăn uống có lỗi như vậy rồi, kể lại quán xúc thực: Như con bò bị lột da, có vô số kiến ruồi bu cắn. Kể quán tư thực như đồng lửa lớn. Quán thức thực như ba trăm mâu nhọn.

Người trí quán sát bốn thứ thực này rồi thời không còn có quan niệm tham ưa. Nếu còn tham ưa thời nên quán bất tịnh để lìa hẳn sự ái nhiễm đối với tứ thực. Phải khéo phân biệt sự bất tịnh của tất cả thứ uống ăn. Lúc thọ ăn món ngon món dở, xem như thuốc thoa ghẻ, trợn không sanh lòng tham ái.

Nếu có thể quán sát như trên đây thời gọi là người trí trợn nên quán tướng yếm ly thực.

Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát món ăn là bất tịnh, đó là thật quán hay hư quán ?

Nếu là thật quán thời thức ăn đương quán thật chẳng phải bất tịnh. Nếu là hư quán, thời sao lại gọi là thiện tướng?

Nầy Thiện nam tử ! Quán tướng như vậy, cũng là thật cũng là hư : Vì có thể trừ quan niệm tham ăn nên gọi là thật ; vì không phải trùng dòi mà thấy là trùng dòi nên gọi là hư.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả pháp hữu lậu đều gọi là hư, mà cũng có thể được thật.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ-kheo lúc muốn đi khát thực, tự nghĩ rằng :

Tôi sẽ đi khát thực, mong được món ăn ngon, nhiều và mau được, đừng được món ăn dở, ít và chậm lâu. Tỳ-kheo này chẳng

được gọi là có yểm ly tướng đối với sự ăn uống, pháp lành sẽ suy hao lần, pháp chẳng lành sẽ càng ngày càng tăng trưởng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ-kheo lúc muốn đi khát thực, phải nguyện trước rằng : Cầu mong cho những người khát thực đều được no đủ, người bố thí vô lượng phước. Nếu tôi được món ăn, cũng chỉ là dùng để chữa bệnh cho thân thể ác độc này, để tu tập pháp lành, cho thí chủ được lợi ích.

Tỳ-kheo lúc phát nguyện trên đây thời pháp lành lần tăng trưởng, pháp chẳng lành tiêu diệt lần. Tỳ-kheo này chẳng luống ăn của tín thí.

Này Thiện nam tử ! Người trí có đủ bốn pháp quán tưởng như vậy thời có thể tu pháp quán tưởng “Thế gian không đáng ưa thích”.

Suy nghĩ rằng : Tất cả thế gian không chỗ nào chẳng có sự sanh, già, bệnh, chết, mà thân của tôi không chỗ nào chẳng sanh. Thế gian đã không có một chỗ nào là được sự sanh, già, bệnh, chết. Như vậy tại sao tôi lại ưa thích thế gian !

Tất cả thế gian không có gì tiến đắc mà chẳng phải thối thất, nên thế gian quyết định là vô thường. Đã là vô thường, người trí đâu nên ưa thích thế gian.

Mỗi chúng sanh trải qua khắp tất cả thế gian, hưởng thọ đủ cả sự khổ vui, đều được thân Phạm Thiên cho đến Trời Phi Phi Tướng, lúc mạng chung cũng lại phải sa vào ba ác đạo. Dầu được thân Trời Tứ Thiên Vương cho đến Trời Tha Hóa Tự Tại, lúc mạng chung hoặc phải sanh trong loài súc sanh làm thân sư tử, cọp, sói, voi, ngựa, bò, lừa v.v...

Kế lại suy nghĩ : Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, sang giàu tự tại, lúc hết phước phải nghèo khổ ăn mặc không đủ.

Người trí quán tưởng như trên đây rồi, thời có quan niệm thế gian không đáng ưa thích.

Người trí lại quán sát tất cả tài vật, châu báu, nhà cửa, hương hoa v.v... ở thế gian dầu dùng để đỡ khổ, nhưng những vật ấy chính nó là khổ, sao lại dùng khổ để lìa khổ.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát như vậy rồi thời chẳng còn ưa thích tài vật ở thế gian. Như có người thân mang bệnh nặng, dầu có những thứ âm nhạc ca hát hoa hương chuỗi ngọc, nhưng trọn chẳng sanh lòng ưa thích. Người trí quán sát những điều trên đây không tham ưa tài vật châu báu ở thế gian cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát tất cả thế gian đều chẳng phải chỗ quy y, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ tịch tịnh, chẳng phải chỗ đáng ưa, chẳng phải bờ kia, chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu tôi tham ưa nơi thế gian thời tôi làm thế nào lìa được thế gian, như người chẳng thích ở trong tối muốn tìm ánh sáng mà lại trở về trong tối. Trong tối là thế gian, ánh sáng là xuất thế. Nếu tôi ưa thích thế gian thời là thêm lớn sự đen tối mà muốn xa lìa đen tối.

Đen tối là vô minh, ánh sáng là trí minh. Chính quan niệm chẳng ưa thích thế gian là nhơn của trí minh. Tất cả kiết sử tham ưa dầu hay trói buộc, nhưng nay tôi tham ưa trí minh mà chẳng tham ưa thế gian.

Người trí quán sát rõ những sự trên đây rồi thời có đủ quan niệm rằng thế gian là chẳng đáng ưa thích.

Này Thiện nam tử ! Người trí kể lại tu tập tư tưởng : Quán sát thọ mạng này thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm tổn diệt không có tăng trưởng, như nước dốc trên núi không thể đứng dừng, cũng như sương móc ban mai thế chẳng còn lâu, như người tù bị dắt ra chợ mỗi bước gần đến chỗ chết, như dất bò dê đến chỗ hàng thịt.

Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát niệm niệm diệt như thế nào ?

Này Thiện nam tử ! Như bốn người đều có tài bắn giỏi họp nhau ở một chỗ, mỗi người riêng bắn qua một hướng đồng nghĩ rằng bốn mũi tên của chúng tôi đồng thời bắn ra đồng thời rơi xuống.

Lại có một người nghĩ rằng lúc bốn mũi tên này chưa rơi xuống, trong một lúc tôi có thể dùng tay bắt lấy.

Này Thiện nam tử ! Đáng gọi người này là mau lẹ chăng ?

Bạch Thế Tôn ! Người này thật mau lẹ.

Này Thiện nam tử ! Địa Hành quý còn lẹ hơn người này. Phi Hành quý lại mau hơn Địa Hành quý. Tứ Thiên Vương mau hơn Phi Hành quý. Nhứt Nguyệt Thần Thiên mau hơn Tứ Thiên Vương. Hành Kiên Tật Thiên mau hơn Nhứt Nguyệt Thần. Thọ mạng của chúng sanh lại mau hơn Kiên Tật Thiên.

Này Thiện nam tử ! Một hơi thở một nháy mắt, thọ mạng của chúng sanh có bốn trăm lần sanh diệt. Nếu có thể quán sát thọ mạng như vậy thời gọi là có thể quán niệm niệm diệt.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát thọ mạng thuộc nơi vua chết, nếu tôi là được vua chết này thì dứt hẳn được thọ mạng vô thường.

Lại nên quán sát thọ mạng này như cây to bên sông lở, như người phạm tội lúc bị xử tử không ai xót thương, như lúc Sư Tử Vương quá đói, như lúc rắn độc hộp gió to, như lúc ngựa khát nước nó giữ gìn nước, như lúc đại ác quỷ phát sân, vua chết của chúng sanh cũng dữ độc như vậy.

Người trí nếu có thể quán sát như vậy thì gọi là tu tập tử tưởng.

Này Thiện nam tử ! Người trí lại nên quán sát rằng nay tôi xuất gia dầu thọ mạng chỉ có bảy ngày bảy đêm, trong thời gian ấy tôi sẽ tinh tấn tu hành giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh, đây là người trí tu tập tử tưởng.

Lại vì bảy ngày bảy đêm còn là nhiều, nếu được sáu ngày, hoặc năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, nhẫn đến trong khoảng một hơi thở ra vào, trong thời gian này tôi sẽ tinh tấn tu hành, giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh. Đây gọi là người trí khéo tu tập tử tưởng.

Người trí có đủ sáu pháp quán tưởng trên đây có thể làm nhơn cho bảy pháp quán tưởng. Đây là bảy pháp quán tưởng :

- Một là quán tưởng thường tu tập,
- Hai là quán tưởng thích tu tập,
- Ba là quán tưởng không sân hận,
- Bốn là quán tưởng không tật đố,
- Năm là quán tưởng phát nguyện lành,
- Sáu là quán tưởng không kiêu mạn,

- Bảy là quán tướng tam muội tự tại.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ-kheo nào có đủ bảy pháp quán tướng này, thời gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn.

Là tịch tịnh, là tịnh khiết, là giải thoát,

Là người trí, là chánh kiến, là đáo bỉ ngạn,

Là đại y vương, là đại thương chủ,

Là hiểu rõ pháp bí mật của như lai,

Là biết bảy thứ lời nói của chư Phật, là tri kiến chơn chánh, dứt được những lưới nghi trong bảy thứ lời nói của chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Nếu người nào có đủ sáu pháp quán tướng như trên, nên biết rằng người đó có thể quả trách ba cõi, xa lìa ba cõi, dứt trừ ba cõi, chẳng ưa đắm ba cõi. Đây gọi là người trí có đủ mười pháp quán tướng.

Nếu Tỳ-kheo nào có đủ mười pháp quán tưởng này thời đáng được gọi là tướng Sa-môn.

Lúc đó Ca Diếp Bồ-tát liền ở trước Phật nói kệ tán thán :

Đấng Đại Y Vương thương thế gian,

Thân và trí huệ đều tịch tịnh,

Trong pháp vô ngã có chơn ngã,

Nên tôi kính lễ Vô Thượng Tôn.

Phát tâm và rốt ráo không sai khác,

Hai tâm này, tâm trước khó hơn,

Mình chưa được độ, độ người trước,

Nên tôi kính lễ sơ phát tâm.

Sơ tâm đã là Thầy Trời, người,

Hơn bậc Thanh Văn và Duyên Giác,

Phát tâm như vậy hơn ba cõi,
Nên được gọi là Tối Vô Thượng.
Trong đời phải cầu rồi mới được,
Phật không chờ thỉnh mà làm Thầy,
Phật theo thế gian như ghé con,
Nên được gọi là đấng đại bi.
Công đức của Phật khắp mười phương,
Phàm phu vô trí chẳng thể khen,
Nay tôi tán thán tâm từ bi,
Để báo đáp hai nghiệp thân khẩu.
Thế gian thường ưa tự lợi ích,
Đức Phật trọn chẳng có như vậy,
Dứt báo thế gian cho chúng sanh,

Nên tôi kính lễ Tự Tha Lợi,
Người đòi làm lợi cho thân nhơn,
Đức Phật lợi ích không thân thù,
Phật không riêng biệt như người đòi,
Do đây tâm Phật thường bình đẳng.
Người đòi nói khác việc làm khác,
Nói làm của Phật đều không sai,
Phạm chỗ tu hành xả các hạnh,
Do đây được gọi là Như Lai.
Trước đã rõ biết lỗi phiền não,
Thị hiện ở đó vì chúng sanh,
Từ lâu đã giải thoát thế gian,
Vì từ bi mà ở sanh tử.

Dầu hiện thân trời cùng thân người,
Từ bi theo dõi như ghé con,
Đức Phật là mẹ của chúng sanh,
Từ tâm chính là ghé con nhỏ.
Tự chịu khổ não vì chúng sanh.
Do xót thương nên lòng chẳng hối.
Quá xót thương mà chẳng biết khổ,
Nên tôi cúi lạy đấng cứu khổ.
Đức Phật dầu làm vô lượng phước,
Nhưng thân khẩu ý thường thanh tịnh,
Thường vì chúng sanh chẳng vì mình,
Nên tôi kính lễ nghiệp thanh tịnh.

Đức Phật chịu khổ chẳng biết khổ,
Thấy người chịu khổ như mình khổ,
Dầu vì chúng sanh ở địa ngục,
Chẳng có niệm khổ và ăn năn.
Chúng sanh chịu khổ đều khác nhau,
Mà Như Lai một mình chịu khổ,
Biết rồi tâm Phật càng kiên cố,
Do đây siêng tu đạo vô thượng.
Phật đủ tâm đại từ duy nhứt,
Thương xót chúng sanh xem như con,
Chúng sanh chẳng biết Phật cứu mình,
Nên hủy báng Phật cùng Pháp, Tăng.
Thế gian có đủ những phiền não,

Cũng có vô lượng những lỗi ác,
Phiền não và tội lỗi như vậy,
Lúc sơ phát tâm đã dứt trừ.
Chư Phật mới tán thán được Phật,
Ngoài Phật không ai tán thán được,
Nay tôi chỉ tán thán một điều,
Là tâm đại từ thương thế gian.
Từ tâm của Phật là pháp lớn,
Từ tâm này độ được chúng sanh,
Chính đây là vô thượng giải thoát,
Giải thoát này là Đại Niết-bàn.

PHẨM KIỀU TRẦN NHƯ

THỨ HAI MƯƠI LĂM

(Trang 589)

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như :

“Sắc là vô thường, do dứt sắc này được sắc thân thường trụ giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường, do dứt thức ấm này mà được thức uẩn giải thoát thường trụ.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là khổ, dứt sắc ấm này mà được sắc thân an lạc giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là không, do dứt sắc không này mà được sắc uẩn giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là vô ngã, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chơn ngã. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc ấm là bất tịnh, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là tướng của sanh, lão, bệnh, tử, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải tướng sanh, lão, bệnh, tử. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là nhơn của vô minh do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của vô minh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Nhẫn đến sắc ấm là nhơn của sanh, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của sanh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhơn của bốn tướng điên đảo, do dứt sắc ấm điên đảo này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của bốn tướng điên đảo. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhơn của vô lượng ác pháp : Nào là thân nam, thân nữ v.v..., nào là thực ái, dục ái, tham sân, tật đố, ác tâm, xan tâm, đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ngũ dục, ngũ cái v.v... Tất cả ác pháp này đều nhơn nơi sắc cả.

Do dứt sắc ấ nầy mà được sắc uẩn giải thoát không có vô lượng ác pháp như vậy. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là trói buộc, do dứt sắc nầy mà được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là lưu chuyển, do dứt sắc nầy mà được sắc giải thoát không lưu chuyển. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc chẳng phải chỗ quy y, do dứt sắc nầy mà được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là ghẻ lở, do dứt sắc nầy mà được sắc giải thoát không tội lỗi. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc chẳng tịch tịnh, do dứt sắc này được sắc Niết-bàn tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Người nào rõ biết được như trên đây thời gọi là Sa-môn là Bà-la-môn có đủ những pháp Sa-môn, pháp Bà-la-môn.

Nếu ngoài Phật pháp thời không có Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn, pháp Bà-la-môn. Tất cả ngoại đạo dối trá tự xưng, toàn hư giả, không có thiệt hạnh.

Dầu họ tưởng rằng họ có hai bậc này, nhưng thật ra thời không có. Vì nếu đã không có pháp Sa-môn và Bà-la-môn, làm sao có được hai bậc Sa-môn và Bà-la-môn.

Ta thường ở giữa đại chúng xướng to những lời này. Các ông cũng nên xướng to như vậy.

Bấy giờ có số đông ngoại đạo sanh lòng bất bình rằng :

Cù Đàm nói trong giáo phái của chúng ta không có Sa-môn và Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn, pháp Bà-la-môn. Chúng ta làm thế nào tỏ cho Cù Đàm biết rằng trong giáo phái của chúng ta có hai bậc và hai pháp như vậy.

Có một Phạm Chí lên tiếng nói :

“Này các ngài ! Lời nói của Cù Đàm như điên như cuồng, cần gì kiểm giáo !

Người điên cuồng trong đời hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng, hoặc khen, không phân biệt kẻ thân người thù.

Sa-môn Cù Đàm cũng như vậy: Có lúc nói ta sanh trong cung vua Tịnh Phạn, có lúc nói là chẳng sanh.

Hoặc nói sau khi sanh tự đi bảy bước, lại nói là chẳng đi.

Hoặc nói ta từ thuở nhỏ học tập văn võ, nghề nghiệp thế gian, rồi lại tự nói là bực nhứt thiết trí. Có lúc ở cung hưởng lạc thú sanh con trai, rồi lại nhàm chê là ác tiện. Có lúc đích thân tu khổ hạnh sáu năm, lại quả trách sự khổ hạnh của ngoại đạo.

Hoặc nói theo học với ông Uất Đầu Lam Phất, ông A La Lã v.v..., có lúc nói các ông ấy không chỗ hiểu biết.

Hoặc nói nơi cội Bồ-đề ta chứng được đạo vô thượng giác, có lúc lại nói ta không có đến cây Bồ-đề, không có chứng đắc.

Hoặc nói thân ta đây chính là Niết-bàn, lại nói thân diệt mới là Niết-bàn.

Lời nói của Cù Đàm như điên cuồng, các ngài lo rầu làm gì ?

Có các Bà-la-môn nói :

“Trước kia Sa-môn Cù Đàm nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Hàng đệ tử trong giáo phái ta nghe lời này mà kinh sợ.

Nay Cù Đàm đến rừng Ta La này tuyên bố có thường, lạc, ngã, tịnh. Hàng đệ tử ta nghe lời này đều bỏ phái ta, hoặc thọ lấy lời của Cù Đàm. Như thế bảo ta không sầu khổ sao được !

Lại có một Bà-la-môn bảo rằng các ngài lóng nghe tôi nói đây : Sa-môn Cù Đàm gọi rằng từ bi, xét ra thời lời nói này là hư vọng, chẳng phải chơn thật.

Vì nếu có từ bi sao ông ấy lại giáo hóa hàng đệ tử của chúng ta thọ lấy pháp của ông ấy.

Lòng từ bi là tùy thuận theo ý của người, nay ông ấy làm trái bốn nguyên của chúng ta thời đâu phải là từ bi.

Nếu nói rằng Sa-môn Cù Đàm chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, lời này cũng là hư vọng : Vì nếu Cù Đàm là thiếu đức tri túc, hôm nay sao lại cướp lấy lợi dưỡng của chúng ta.

Nếu nói Cù Đàm thuộc về dòng họ cao thượng, lời này cũng hư vọng. Vì từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy Sư Tử Vương tàn hại con chuột bé nhỏ. Nếu Cù Đàm là dòng cao thượng ngày nay sao lại náo loạn chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có thể lực lớn, lời này cũng là hư vọng. Vì từ xưa đến nay cũng chẳng từng thấy nghe Kim Sứy Điều Vương đua tranh cùng các chim.

Nếu Cù Đàm thật có thể lực lớn, việc gì lại tranh đấu với chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có tha tâm trí, xét ra cũng là hư vọng. Vì nếu có tha tâm trí, có sao Cù Đàm chẳng rõ biết tâm niệm của chúng ta.

Này các ngài ! Xưa kia tôi từng nghe bậc tôn túc nói rằng sau đây một trăm năm thế gian sẽ có một yêu huyễn ra đời. Yêu huyễn này chính là ông Cù Đàm. Ông ấy sắp sẽ diệt mất tại trong rừng Ta La này, các ngài chẳng nên sầu não.

Có một Ni Kiên Tử nói rằng :

“Nay tôi sầu khổ chẳng phải vì đệ tử và sự cúng dường của riêng mình, chỉ vì người đời ngu tối không có con mắt, chẳng thấy biết phước điền cùng chẳng phải phước điền, bỏ bậc Bà-la-môn niên cao nhiều trí mà cúng dường người tuổi trẻ, do đây nên tôi lo rầu mà thôi.

Sa-môn Cù Đàm biết chú thuật, do sức chú thuật mà ông ấy có thể biến một thân thành vô lượng thân, biến vô lượng thân huòn lại một thân, hoặc biến thân làm hình nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể trừ việc chú thuật như vậy. Chú thuật của Cù Đàm đã mất, các ngài sẽ được an vui thọ hưởng nhiều sự cúng dường”.

Lại có một Bà-la-môn nói rằng :

Này các ngài, Sa-môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, các ngài chẳng nên tranh đua.

Chúng ngoại đạo phản đối lại : Người ngu si kia ! Sao ông lại nói Sa-môn Cù Đàm có công đức lớn ?

Lúc Cù Đàm sanh ra bảy ngày thời mẹ của ông ấy chết, như thế có thể được gọi là tướng phước đức chăng ?

Bà-la-môn đáp rằng :

Bị mắng chẳng giận, bị đánh chẳng đánh lại, đây là tướng đại phước đức. Thân của Cù Đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, lại có vô lượng thần thông, đây là tướng đại phước đức. Không kiêu mạn thừa hỏi trước, lời nói dịu dàng không cộc cằn, lúc trai tráng chí ý hưng hạnh mà tâm chẳng nóng nảy, nước lớn của nhiều mà không tham luyến, bỏ cung điện đi xuất gia như nhỏ bỏ nước miếng. Do những điều trên đây nên tôi nói rằng Sa-môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức.

Chúng ngoại đạo nói :

“Sa-môn Cù Đàm thật có vô lượng thần thông biến hoá như lời ông nói, chúng tôi chẳng thử thách thần thông với Cù Đàm.

Cù Đàm bản tánh nhu nhuyễn, chẳng kham khổ hạnh, sanh trưởng chốn thâm cung chẳng rõ thấu được việc ngoài. Chỉ được lời nói dịu dàng mà chẳng biết nghề nghiệp văn hóa luận nghị.

Chúng tôi xin tranh biện pháp yếu với Cù Đàm. Nếu ông Cù Đàm hơn, chúng tôi sẽ theo hầu Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm thì Cù Đàm phải phụng sự chúng tôi.”

Lúc đó một số đông ngoại đạo họp nhau đến ra mắt vua A Xà Thế. Vua hỏi:

Các ngài mỗi phái riêng tu tập theo đạo của mình, đều là người xuất gia rời bỏ danh lợi, nhơn dân trong nước của ta đều kính trọng cúng dường, nay duyên có gì họp nhau đến đây ?

Các ngài đều có pháp tu tập khác nhau, giới cấm khác nhau, mỗi người tự theo giáo phái của mình mà xuất gia tu hành. Nay duyên

có gì lại họp nhau một lòng như những lá rụng bị gió trốt thổi gom lại một chỗ.

Ta thường ủng hộ người xuất gia nhẫn đến chẳng tiếc thân mạng. Nay duyên có gì mà các ngài họp nhau đến đây ?

Chúng ngoại đạo đồng thưa :

Tâu Đại Vương ! Nay Đại Vương là cây cầu đại pháp, có tiếng tăm lớn, có công đức lớn, là căn bản của các nước, là tấm gương sáng của tất cả nước, là hình tượng của chư thiên, là cha mẹ của nhơn dân. Nhà vua coi việc nước chẳng riêng rẽ người thân kẻ thù, lòng vua bình đẳng như đất nước lửa gió, do đây nhà vua đáng gọi là công đức tạng.

Tâu Đại Vương ! Dầu chúng sanh hiện tại tuổi đời ngắn ngủi, nhưng công đức của nhà vua như các vua thời kỳ trường thọ an lạc

thuở xưa : Như các vua Đánh Sanh, Thiện Kiến, Nhẫn Nhục, Na Hầu Sa, Da Da Đế, Thi Tỳ, Nhứt Xoa Câu v.v... Nhờ nhà vua mà trong nước an vui, hơn dân giàu mạnh. Do đây nên tất cả người xuất gia đều mến nước Ma Đà Đà này.

Tâu Đại Vương ! Trong kinh của chúng tôi có nói : Nếu người xuất gia ở nơi nước nào mà tinh tấn trì giới tu hành, thời vua nước ấy cũng có phần tu công đức lành.

Tâu Đại Vương ! Tất cả trộm cướp nhà vua đã dẹp xong, nên người xuất gia không còn sợ sệt. Hiện nay chỉ còn có một người đại ác là Sa-môn Cù Đàm nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất lo sợ.

Cù Đàm tự thị dòng họ cao quý, thân hình đẹp mạnh, lại do phước bố thí đời trước mà được cúng dường nhiều.

Cù Đàm cậy những việc này mà quá kiêu mạn, hoặc cậy chú thuật giỏi mà ngạo nghễ.

Cù Đàm không thể tu khổ hạnh lành và chữa những y phục nệm chần mịn nhuyễn, nên những người ác trong đời vì tham lợi dưỡng mà theo làm quyến thuộc. Do sức chú thuật, Cù Đàm điều phục Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v...

Nay đến chỗ ở của chúng tôi, nơi rừng Ta La, tuyên bố rằng thân này là thường, lạc, ngã, tịnh để khuyến dụ hàng đệ tử của chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Ngày trước Cù Đàm nói thân người là không thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi còn có thể nhẫn được.

Nay Cù Đàm tuyên bố thân này là thường, lạc, ngã, tịnh. Chúng tôi thiệt chẳng chịu được.

Xin Đại Vương cho phép chúng tôi luận nghị với Cù Đàm.

Vua A Xà Thế nói : Hôm nay các ngài do ai bày vẽ mà tâm trí cuồng loạn chẳng định như vậy ?

Khác nào nước nổi sóng, vòng lửa xoay, khí vượn leo cây, thật đáng hổ thẹn.

Người trí nghe được việc này tất sẽ xót thương cho các ngài. Kẻ ngu nghe biết thời tất chê cười các ngài. Lời nói của các ngài chẳng phải là lời của người xuất gia. Các ngài nếu mang phải bệnh tật, ta đều có thuốc trị lành được. Nếu như mắc bệnh ma quỷ, thời anh ta là Kỳ Bà có thể trị được.

Nay các ngài muốn lấy móng tay mà chẻ núi Tu Di, muốn dùng răng để cắn nghiền chất Kim Cang, khác nào người ngu thấy Sư Tử Vương lúc đói nằm ngủ mà muốn chọc cho thức dậy.

Như người lấy ngón tay muốn để trong miệng rắn độc,

Như muốn lấy tay đập ngọn lửa,

Như con chồn rừng muốn kêu rống như sư tử,

Như con muỗi muốn bay đua với kim sứa diều,

Như con thỏ lội qua biển muốn chum đựng đến đáy.

Nay các ngài cũng như vậy. Các ngài như chiêm bao thấy hơn Sa-môn Cù Đàm, đây là mơ mộng điên cuồng, chẳng nên tin tưởng.

Nay các ngài có quan niệm muốn tranh biện với Sa-môn Cù Đàm, khác nào con phi nga tự đập vào đồng lửa lớn. Các ngài phải theo lời của ta chẳng cần nói nữa.

Các ngài dầu tán thán ta là bình đẳng như cán cân, nhưng chớ để cho người ngoài nghe được lời này.

Các ngoại đạo lại thưa :

Tâu Đại Vương ! Sa-môn Cù Đàm có lẽ dùng chú thuật đến bên nhà vua, nên làm cho lòng vua nghi mà chẳng tin các vị thánh nhơn này. Nhà vua chẳng nên khinh miệt chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Mặt trăng tròn khuyết, nước biển mặn, v.v... những việc như thế ai làm ra ?

Há chẳng phải hàng Bà-la-môn chúng tôi ư !

Nhà vua chẳng nghe nước sông Hằng dừng ở trong lỗ tai của A Kiệt Đa Tiên trọn mười hai năm ư ?

Nhà vua chẳng nghe Cù Đàm Tiên nhơn cả hiện thần thông mười hai năm biến làm Đế Thích, rồi biến thân Đế Thích làm thân dê đực, biến ngàn nữ căn ở thân Đế Thích?

Nhà vua chẳng nghe Kỳ Nâu Tiên trong một ngày uống hết nước bốn biển làm cho quả đất khô ?

Nhà vua chẳng nghe bà Tẩu Tiên làm ba con mắt cho Tự Tại Thiên ư ?

Nhà vua chẳng nghe La Lã Tiên biến thành Ca La Phú làm nước mọi ư ?

Tâu Đại Vương ! Trong phái Bà-la-môn có những Tiên non thần thông như vậy, sao nhà Vua lại khinh miệt ư ?

Vua nói :

“Các ngài nếu chẳng tin theo lời của ta, đức Như Lai chánh giác hiện ở trong rừng Ta La, các ngài có thể qua đó tùy ý vấn nạn, Đức Như Lai cũng sẽ giải thích vừa ý các ngài.”

Liền đó vua A Xà Thế cùng chúng ngoại đạo đến chỗ Phật. Vua đầu mặt làm lễ đi nhiễu ba vòng ngồi qua một bên bạch Phật rằng:

“Thế Tôn ! Các nhà ngoại đạo này muốn được tùy ý vẩn nạn, xin đức Như Lai tùy ý đáp đó.”

Phật nói :

“Này Đại Vương ! Như Lai tự biết phải lúc.”

Trong chúng ngoại đạo có Bà-la-môn Xà Đề Thủ Na lên tiếng hỏi:

“Này Cù Đàm! ngài nói Niết-bàn là pháp thường trụ phải chăng?”

Này Đại Bà-la-môn ! Đúng như vậy.

Nếu Cù Đàm nói Niết-bàn là thường trụ thì không đúng nghĩa. Vì như những sự vật trong đời, từ hột sanh ra trái nối luôn chẳng

dứt, như từ đất sét làm ra cái bình, từ những sợi chỉ mà có cái áo. Cù Đàm thường nói rằng tu quán tưởng vô thường chứng được Niết-bàn. Nhơn là vô thường sao quả lại thường trụ ?

Cù Đàm lại nói giải thoát dục tham chính là Niết-bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham chính là Niết-bàn. Dứt vô minh v.v... tất cả phiền não thời là Niết-bàn. Từ dục, sắc, nhãn đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhơn đã vô thường thời quả Niết-bàn cũng phải vô thường.

Cù Đàm lại nói từ nghiệp nhơn nên sanh cõi Trời, do nghiệp nhơn nên sanh địa ngục, do nghiệp nhơn mà được giải thoát, nên các pháp đều do nơi nhơn mà sanh. Nếu đã từ nơi nhơn sanh mà được giải thoát, sao lại nói Niết-bàn là thường ?

Cù Đàm cũng nói rằng sắc theo duyên mà sanh nên gọi là vô thường, thọ tướng hành thức cũng như vậy. Giải thoát như vậy, nếu là sắc thời là vô thường, nếu là thọ tướng hành thức cũng là vô thường. Nếu ngoài năm ấm mà có giải thoát, thời giải thoát này chính là hư không. Nếu đã là hư không thời chẳng được nói rằng do nhơn duyên sanh, vì hư không là thường là duy nhất, là khắp tất cả.

Cù Đàm cũng nói rằng : Phàm do nhơn duyên sanh ra thời là khổ, nếu đã là khổ sao lại nói giải thoát là lạc.

Cù Đàm lại nói : Vô thường là khổ, khổ là vô ngã. Nếu đã là vô thường, là khổ, là vô ngã thời là bất tịnh. Tất cả những pháp do nhơn duyên sanh ra, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, sao lại nói Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh ?

Nếu Cù Đàm nói rằng cũng là thường cũng vô thường, cũng khổ cũng vui, cũng là ngã cũng là vô ngã, cũng tịnh cũng bất tịnh, như thế há chẳng phải là hai lời ư ?

Tôi cũng từng nghe bậc tôn túc nói nếu Phật ra đời thời lời nói không hai. Nay Cù Đàm nói hai lời, lại xưng rằng Phật chính là thân ta đây. Xin giải thích những điều tôi đã hỏi.

Phật nói :

Này Bà-la-môn ! Cứ theo lời của ông, nay tôi hỏi ông tùy ý ông đáp.

Này Bà-la-môn ! Tánh của ông là thường hay là vô thường ?

Tánh của tôi là thường.

Này Bà-la-môn ! Tánh ấy có thể làm nhơn cho tất cả pháp trong và ngoài chăng ?

Chính thể, thừa Cù Đàm.

Này Bà-la-môn ! Tánh ấy làm nhơn như thế nào ?

Thừa Cù Đàm ! Từ tánh sanh ra đại, từ đại sanh mạn, từ mạn sanh mười sáu pháp:

Năm đại là địa, thủy, hỏa, phong, không, năm tri căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân.

Năm nghiệp căn là tay, chân, miệng tiếng, nam căn, nữ căn, cùng tâm bình đẳng căn.

Mười sáu pháp này do năm pháp : Sắc, thanh, hương, vị, xúc sanh ra.

Hai mươi một pháp này có ba pháp căn bản : Nhiễm, thô và đen. Nhiễm là ái, thô là sân, đen là vô minh.

Hai mươi ba pháp này, đều nhơn nơi tánh mà sanh.

Nầy Bà-la-môn ! Những pháp đại, mạn v.v... là thường hay vô thường ?

Thưa Cù Đàm theo giáo pháp của tôi thời tánh là thường, những pháp đại v.v... đều là vô thường.

Nầy Bà-la-môn ! Như trong pháp của ông nhơn là thường còn quả là vô thường. Trong pháp của ta đầu nhơn là vô thường nhưng quả là thường, thời có lỗi gì ?

Nầy Bà-la-môn ! Trong pháp của các ông có hai nhơn chẳng ?

Thưa Cù Đàm, có.

Thế nào là hai ?

Thưa Cù Đàm ! Một là sanh nhơn, hai là liễu nhơn.

Thế nào là sanh nhơn ? Thế nào là liễu nhơn ?

Sanh nhờn như đất sét làm ra cái bình. Liễu nhờn như đèn soi đồ vật.

Hai nhờn này là một tánh. Đã là một tánh có thể khiến sanh nhờn làm liễu nhờn chăng ?

Có thể khiến liễu nhờn làm sanh nhờn chăng ?

Thưa Cù Đàm ! Không.

Nếu như sanh nhờn chẳng làm liễu nhờn, liễu nhờn chẳng làm sanh nhờn, có thể nói là nhờn tướng chăng ?

Thưa Cù Đàm ! Dầu hai nhờn chẳng làm thành lẫn nhau, nhưng vẫn có nhờn tướng.

Này Bà-la-môn ! Vật của liễu nhờn chiếu rõ có đồng với liễu nhờn chăng ?

Thưa Cù Đàm ! Không.

Phật nói : Trong pháp của ta, dầu do từ vô thường chứng đẳng Niết-bàn, nhưng Niết-bàn này chẳng phải là vô thường.

Do từ liễu nhơn mà được nên là thường, lạc, ngã, tịnh.

Do từ sanh nhơn mà được nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Do đây nên đức Như Lai nói có hai thuyết thường và vô thường. Hai thuyết này không có hai lời, nên Phật gọi là không nói hai lời.

Như lời ông nói từng nghe bực tôn túc bảo rằng Phật ra đời không có hai lời. Lời nói trên đây rất đúng.

Tất cả chư Phật mười phương ba đời không bao giờ có lời nói sai, vì có thời đồng nói có, không thời đồng nói không, nên gọi là đồng một nghĩa, do đây nên gọi Phật không nói hai lời.

Này Bà-la-môn ! Đức Như Lai đầu gọi là hai lời, nhưng vì để hiểu rõ một lời.

Thế nào là hai lời để hiểu rõ một lời ?

Như nhãn căn cùng sắc trần đây là hai lời, sanh ra thức đây là một lời. Nhãn đến ý căn cùng pháp trần sanh ra thức cũng như vậy.

Cù Đàm khéo phân biệt được ngữ nghĩa như vậy. Nay tôi chưa hiểu dùng hai lời để hiểu rõ một lời.

Đức Thế Tôn liền vì Bà-la-môn mà tuyên nói pháp tứ đế :

Này Bà-la-môn ! Khổ Đế cũng hai cũng một, nhãn đến đạo đế cũng hai cũng một.

Bà-la-môn thưa :

“Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết rồi”.

Này Thiện Nam Tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Khổ đế, tất cả phàm phu thời hai, còn thánh nhơn thời một. Nhẫn đến đạo đế cũng như vậy.

Lành thay ! Đã hiểu.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi nghe pháp đã được chánh kiến, tôi quy y Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Cúi xin Đức Đại Từ cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như :

“Ông nên cạo bỏ râu tóc cho Xà Đề Thủ Na, cho ông xuất gia”.

Ngài Kiều Trần Như vâng lời Phật cạo tóc cho Xà Đề Thủ Na. Đương lúc cạo có hai thứ rơi xuống : Một là râu tóc, hai là phiền não. Xà Đề Thủ Na liền ở nơi chỗ ngồi chứng đặng quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí Bà Trư Tra hỏi Phật :

“Cù Đàm nói Niết-bàn là thường trụ phải chăng?”

Này Phạm Chí ! Đúng như vậy.

Cù Đàm toan chẳng nói rằng không phiền não là Niết-bàn ư ?

Này Phạm Chí ! Đúng như vậy.

Thưa Cù Đàm ! Ở thế gian có bốn thứ gọi là không :

Một là những pháp chưa có ra thời gọi là không, như cái bình lúc chưa ra khỏi viên đất thời gọi là không có cái bình.

Hai là những pháp đã diệt mất gọi là không, như cái bình đã hư bể thời gọi là không.

Ba là lẫn không có tướng loại khác mà gọi là không, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò.

Bốn là rốt ráo không nên gọi là không, như lông rùa sừng thỏ.

Thưa Cù Đàm ! Nếu vì đã dứt trừ phiền não mà gọi là Niết-bàn, thời Niết-bàn là không có.

Nếu đã là không Niết-bàn, sao lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

Này Thiện Nam Tử ! Niết-bàn đây chẳng phải là trước không có như cái bình lúc còn là viên đất, cũng chẳng phải dứt mất thành không như cái bình lúc hư bể, cũng chẳng phải rốt ráo không như lông rùa, sừng thỏ. Niết-bàn này đồng với khác loại mà không.

Như lời ông nói, dầu trong bò không có ngựa, nhưng chẳng được nói rằng bò cũng là không. Dầu trong ngựa không có bò nhưng cũng chẳng được nói rằng ngựa cũng là không.

Niết-bàn cũng như vậy : Trong phiền não không Niết-bàn, trong Niết-bàn không phiền não, do đây nên gọi là lẫn không có tướng khác nhau.

Thưa Cù Đàm ! Nếu cho Niết-bàn là lẫn không tướng khác nhau, sự không này không có thường, lạc, ngã, tịnh.

Sao Cù Đàm lại nói Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh ?

Này Thiện Nam Tử ! Như không tướng khác nhau của ông nói có ba thứ không : Bò, ngựa đều là trước không sau có, đây gọi là trước không. Đã có trở thành không đây gọi là hư hoại mà không; không có tướng khác nhau thời như ông đã nói. Niết-bàn không có ba tướng này, nên Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh.

Như ba thứ bệnh của người đời: Bệnh nhiệt, bệnh phong, bệnh hàn.

Ba thứ thuốc có thể trị được :

Tô trị được bệnh nhiệt,

Dầu trị được bệnh phong,

Mật trị được bệnh hàn.

Này Thiện Nam Tử ! Trong bệnh phong không có dầu, trong dầu không có bệnh phong, nên dầu có thể trị được bệnh phong.

Hai thứ kia cũng như vậy.

Tất cả chúng sanh có ba thứ bệnh : Tham, sân và si.

Có ba thứ pháp được trị được ba bệnh này :

Bất tịnh quán là thuốc trị được bệnh tham,

Từ tâm quán là thuốc trị được bệnh sân,

Nhân duyên quán là thuốc trị được bệnh si.

Nam-mô Đại Bát Niết-bàn Hội Thượng Phật, Bồ-tát

Ma-ha-tát. (3 lần)

(Trang 733)

MA HA BÁT NHÃ BA-LA-MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới. Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí, diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba-la yết đế, ba-la tăng yết đế, Bồ-đề tát bà-ha.

(3 lần)

DƯỢC VƯƠNG BỒ-TÁT ĐÀ LA NI

An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, ma ma nễ. chỉ lệ, già lê đệ, xa mế, xa lý đa vĩ. Chuyên đế, mục đế mục đa lý. Ta lý, a vĩ ta lý, tang lý, Ta lý xoa đệ, a xoa duệ.

A kỳ nhị chuyên đế xa lý, đà la ni. A lư dà bà ta kị đá tỳ xoa nhị, Nễ tỳ thế, a tiện đa la nễ lý thế, A đàn đá ba lệ thâm địa, âu cứu lệ, mâu cứu lệ.

A la lệ, ba la lệ, thủ ca sai, a, tam ma tam lý, Phật đà tỳ kiết lợi diệt đế, đạt ma ba lợi sai đế, Tăng già niết cù sa nễ, bà xá bà xá thâm địa, Mạn đá lã, mạn đá lã xoa dạ đa.

Bư lâu đá, bư lâu đá kiêu xá lược, Ác xoa lã, ác xoa dã đa dã, A bà lư, A ma nhã na đa dạ". (3 lần)

HỒI HƯỚNG

Phúng kinh công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hướng
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh
Tốc vãng vô lượng quang Phật-sát.

Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.

Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ-tát vi bạn hữu.

Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dĩ chúng sanh
Giai cộng thành Phật đạo.

PHỤC NGUYỆN

Thượng lai đệ tử chúng đấng, cung đôi Phật tiền, thành tâm phúng tụng Đại-thừa kinh Đại Bát Niết-bàn, cập niệm Phật công đức chuyên vì hồi hướng kỳ nguyện cho đệ tử chúng con tiêu tai tiêu nạn, tật bệnh tiêu trừ, tội chướng, báo chướng, phiền não chướng, nghiệp chướng tất giai tiêu diệt, thân tâm thanh tịnh, tinh tấn tu hành, hiện tiền phước huệ trang nghiêm, một hậu đắc A Di Đà thọ ký.

Phổ nguyện: âm siêu dương thối, pháp giới chúng sanh, tình dữ vô tình, tề thành Phật đạo.

Nam-mô A Di Đà Phật

QUY Y TAM BẢO

**Tự Quy y Phật, Đương nguyện chúng sanh, Thế
giải đại đạo, Phát Vô thượng tâm.**

**Tự Quy y Pháp, Đương nguyện chúng sanh,
Thâm nhập kinh tạng, Trí huệ như hải.**

**Tự Quy y Tăng, Đương nguyện chúng sanh,
Thống lý đại chúng, Nhất thiết vô ngại.**

**Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.**

HÒA NAM THÁNH CHÚNG.